



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 21

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Thanh Hải	Chủ tịch
Bà Lê Thị Bích Huệ	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Long	Ủy viên
Ông Mai Văn Minh	Ủy viên
Ông Trần Quốc Tuấn	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Bích Huệ	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Hoàng Thanh Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787  
W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

SỐ: 263 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12 tháng 08 năm 2015, từ trang 03 đến trang 21. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Minh Hùng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 0294-2013-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2015

**Phạm Xuân Sơn**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 1450-2013-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

**MẪU SỐ B 01a-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>90.477.628.947</b>	<b>81.034.114.273</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.890.529.978</b>	<b>3.488.608.888</b>
1. Tiền	111	5	6.890.529.978	3.488.608.888
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>39.463.914.458</b>	<b>31.800.450.046</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	37.675.021.665	31.950.918.936
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.418.342.213	468.534.012
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		27.524.632	37.971.150
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(656.974.052)	(656.974.052)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>43.860.943.610</b>	<b>45.545.191.270</b>
1. Hàng tồn kho	141		43.860.943.610	45.545.191.270
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>262.240.901</b>	<b>199.864.069</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		114.626.902	163.756.408
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		147.613.999	36.107.661
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220 + 250)	<b>200</b>		<b>95.398.827.935</b>	<b>92.687.334.477</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.398.827.935</b>	<b>20.687.334.477</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	23.320.827.935	20.597.334.477
- Nguyên giá	222		31.841.767.352	27.690.231.310
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.520.939.417)	(7.092.896.833)
2. Tài sản cố định vô hình	227		78.000.000	90.000.000
- Nguyên giá	228		120.000.000	120.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.000.000)	(30.000.000)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>72.000.000.000</b>	<b>72.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	72.000.000.000	72.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>185.876.456.882</b>	<b>173.721.448.750</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

**MẪU SỐ B 01a-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310 + 330)	<b>300</b>		<b>45.317.888.907</b>	<b>31.997.015.000</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>42.795.173.907</b>	<b>31.607.215.000</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	10.462.083.499	7.214.006.130
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.007.379.048	269.801.508
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	3.007.759.776	2.256.857.264
4. Phải trả người lao động	314		1.177.138.330	927.945.541
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	2.286.011.434	91.082.852
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.601.912.674	8.182.674
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	22.037.808.004	20.215.194.082
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.215.081.142	624.144.949
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.522.715.000</b>	<b>389.800.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	2.522.715.000	389.800.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410)	<b>400</b>		<b>140.558.567.975</b>	<b>141.724.433.750</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>140.558.567.975</b>	<b>141.724.433.750</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.922.000.000	94.922.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.922.000.000	94.922.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.100.325.642	1.787.924.642
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.536.242.333	45.014.509.108
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		32.206.049.308	32.077.204.767
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.330.193.025	12.937.304.341
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>185.876.456.882</b>	<b>173.721.448.750</b>

Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2015.

Lê Thị Bích Huệ  
Kế toán trưởng




Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 02a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	277.887.624.474	220.919.942.369
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	1.593.730.000	2.989.133.810
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		276.293.894.474	217.930.808.559
4. Giá vốn hàng bán	11	19	253.539.778.425	198.093.684.039
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		22.754.116.049	19.837.124.520
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	18.423.757	4.550.165
7. Chi phí tài chính	22	22	587.142.834	2.264.798.078
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		579.896.711	1.211.127.915
8. Chi phí bán hàng	25		6.345.184.421	4.800.797.165
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.019.178.132	2.493.507.772
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		11.821.034.419	10.282.571.670
11. Thu nhập khác	31	23	2.757.059.805	2.253.171.591
12. Chi phí khác	32	24	2.616.308.294	2.027.015.602
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		140.751.511	226.155.989
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.961.785.930	10.508.727.659
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	2.631.592.905	2.311.920.084
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		9.330.193.025	8.196.807.575

  
Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2015

  
Lê Thị Bích Huệ  
Kế toán trưởng

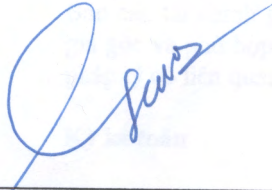


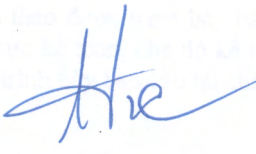
  
Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**MẪU SỐ B 03a-DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	236.828.057.111	181.533.652.754
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(210.003.113.215)	(144.416.687.326)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.492.629.036)	(1.722.299.106)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(579.896.711)	(1.288.873.198)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.885.031.893)	(2.878.545.864)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	718.067.094	542.870.212
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.971.547.397)	(6.330.915.296)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>12.613.905.953</b>	<b>25.439.202.176</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(4.151.536.042)	(1.268.780.546)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	94.500.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.423.757	4.550.165
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.133.112.285)</b>	<b>(1.169.730.381)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	61.075.012.207	101.719.837.335
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(57.119.483.285)	(121.071.657.219)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.034.401.500)	(2.710.180.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(5.078.872.578)</b>	<b>(22.062.000.384)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>3.401.921.090</b>	<b>2.207.471.411</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.488.608.888	712.680.018
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>6.890.529.978</b>	<b>2.920.151.429</b>

  
Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2015

  
Lê Thị Bích Huệ  
Kế toán trưởng



  
Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000691 ngày 13/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 10/08/2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 94.922.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2015 là 75 người (tại ngày 31/12/2014 là 48 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Năm 2015  
(Số năm khấu hao)

Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	10

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.224.766.112	350.383.359
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.665.763.866	3.138.225.529
	<u><b>6.890.529.978</b></u>	<u><b>3.488.608.888</b></u>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b><i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i></b>	<u><b>37.675.021.665</b></u>	<u><b>31.950.918.936</b></u>
Công ty Cổ phần Điện cơ Phong Lan	19.525.214.720	16.463.436.212
Công ty TNHH MTV Quang điện - Điện tử	3.095.750.625	877.608.928
Cửa hàng Hưng Chanh	1.659.694.230	732.547.497
Công ty TNHH TM&DV Vận tải Việt Khoa	1.619.208.507	1.110.592.562
Công ty TNHH Hà Nội Ching Hai Electric Works	1.583.971.246	2.333.577.475
Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất	783.952.400	1.783.150.547
Công ty TNHH Tân Thành	766.033.281	1.705.074.218
Nguyễn Thị Hải Vân	394.507.067	2.852.225.979
Các đối tượng khác	8.246.689.589	4.092.705.518
	<u><b>37.675.021.665</b></u>	<u><b>31.950.918.936</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. NỢ KHÓ CÓ KHẢ NĂNG THU HỒI**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Doanh nghiệp tư nhân Thuận Phong	397.523.670	-	397.523.670	-
Công ty TNHH Dây-Cáp & VL điện KEVIN	219.062.690	-	219.062.690	-
Các đối tượng khác	134.625.639	94.237.947	134.625.639	94.237.947
	<b>751.211.999</b>	<b>94.237.947</b>	<b>751.211.999</b>	<b>94.237.947</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.585.895.928	-	8.241.487.800	-
Công cụ, dụng cụ	75.739.055	-	90.712.045	-
Hàng hóa	31.199.308.627	-	37.212.991.425	-
	<b>43.860.943.610</b>	<b>-</b>	<b>45.545.191.270</b>	<b>-</b>

**9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	18.379.893.474	4.305.620.178	4.969.717.658	35.000.000	27.690.231.310
- Mua trong kỳ	-	4.151.536.042	-	-	4.151.536.042
Tại ngày 30/06/2015	<b>18.379.893.474</b>	<b>8.457.156.220</b>	<b>4.969.717.658</b>	<b>35.000.000</b>	<b>31.841.767.352</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	4.667.889.280	1.157.711.633	1.263.795.920	3.500.000	7.092.896.833
- Khấu hao trong kỳ	758.644.488	400.185.547	265.712.549	3.500.000	1.428.042.584
Tại ngày 30/06/2015	<b>5.426.533.768</b>	<b>1.557.897.180</b>	<b>1.529.508.469</b>	<b>7.000.000</b>	<b>8.520.939.417</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	<b>13.712.004.194</b>	<b>3.147.908.545</b>	<b>3.705.921.738</b>	<b>31.500.000</b>	<b>20.597.334.477</b>
Tại ngày 30/06/2015	<b>12.953.359.706</b>	<b>6.899.259.040</b>	<b>3.440.209.189</b>	<b>28.000.000</b>	<b>23.320.827.935</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2015 là 5.979.045.043 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 6.389.111.525 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 với giá trị là 199.697.520 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 199.697.520 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP Điện cơ Phong Lan	Hải Phòng	90,00%	90,00%	Sản xuất quạt điện

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>10.462.083.499</b>	<b>10.462.083.499</b>	<b>7.214.006.130</b>	<b>7.214.006.130</b>
Công ty TNHH Tân Thành	1.579.139.320	1.579.139.320	3.525.895.736	3.525.895.736
Công ty TNHH XNK Phú Lâm	1.383.250.000	1.383.250.000	-	-
Công ty TNHH Mitsubishi Electric Việt Nam	1.327.040.000	1.327.040.000	-	-
Công ty TNHH Cơ khí Đức gang Duyên Hải	1.023.704.000	1.023.704.000	146.850.000	146.850.000
Phải trả các đối tượng khác	5.148.950.179	5.148.950.179	3.541.260.394	3.541.260.394
	<b>10.462.083.499</b>	<b>10.462.083.499</b>	<b>7.214.006.130</b>	<b>7.214.006.130</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015 VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	30/06/2015 VND
<b>a) Phải thu</b>				-
Thuế giá trị gia tăng	36.107.661	3.462.661.808	3.574.168.146	147.613.999
	<b>36.107.661</b>	<b>3.462.661.808</b>	<b>3.574.168.146</b>	<b>147.613.999</b>
<b>b) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	2.088.515.786	2.088.515.786	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.076.265.941	1.076.265.941	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.185.032.264	2.631.592.905	2.885.031.893	1.931.593.276
Thuế thu nhập cá nhân	71.825.000	463.262.127	77.288.627	457.798.500
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.256.468.000	638.100.000	618.368.000
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	<b>2.256.857.264</b>	<b>7.520.104.759</b>	<b>6.769.202.247</b>	<b>3.007.759.776</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

<i>Ngắn hạn</i>	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	2.286.011.434	91.082.852
	<b>2.286.011.434</b>	<b>91.082.852</b>

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

<i>Ngắn hạn</i>	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.601.912.674	8.182.674
	<b>1.601.912.674</b>	<b>8.182.674</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	21.311.408.004	21.311.408.004	56.901.283.285	58.143.897.207	20.068.794.082	20.068.794.082
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	15.992.851.804	15.992.851.804	51.377.967.302	52.002.567.331	15.368.251.775	15.368.251.775
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	5.318.556.200	5.318.556.200	5.523.315.983	6.141.329.876	4.700.542.307	4.700.542.307
Nợ dài hạn đến hạn trả	726.400.000	726.400.000	218.200.000	798.200.000	146.400.000	146.400.000
	<b>22.037.808.004</b>	<b>22.037.808.004</b>	<b>57.119.483.285</b>	<b>58.942.097.207</b>	<b>20.215.194.082</b>	<b>20.215.194.082</b>

**Ghi chú:**

- (i) Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014-HĐTDHM/NHCT-166-ĐCHP ngày 28/7/2014 với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng được gia hạn từ hợp đồng tín dụng số 01/HM/2012 ngày 10/8/2012. Hạn mức tối đa được giải ngân là 55 tỷ đồng, mục đích sử dụng vốn vay nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh, mở L/C trả thay thanh toán bằng vốn vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh quạt điện. Thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng cho đến hết ngày 25/07/2015. Lãi suất cho vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào sẽ là lãi suất năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ 8%/năm đối với trường hợp nhận nợ bằng VND. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với đất đai tại số 734 Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Bên B theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PTVT/2012 ký ngày 28/09/2012.
- (ii) Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 15.15.257.1813703.TD ngày 27/01/2015 với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng đã bao gồm dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 99.13.257.1813703 ngày 26/12/2013. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày giải ngân tới 31/01/2016. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành thư tín dụng (L/C) phục vụ cho lĩnh vực sản xuất và kinh doanh quạt điện, động cơ, thiết bị. Lãi suất cho vay là lãi suất cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ từng lần. Tài sản bảo đảm là hàng tồn kho luân chuyển bao gồm hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm thuộc sở hữu của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/06/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>2.522.715.000</b>	<b>2.522.715.000</b>	<b>798.200.000</b>	<b>2.931.115.000</b>	<b>389.800.000</b>	<b>389.800.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	2.206.115.000	2.206.115.000	725.000.000	2.931.115.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội (ii)	316.600.000	316.600.000	73.200.000	-	389.800.000	389.800.000
	<b>2.522.715.000</b>	<b>2.522.715.000</b>	<b>798.200.000</b>	<b>2.931.115.000</b>	<b>389.800.000</b>	<b>389.800.000</b>

**Ghi chú:**

- (i) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2015-HĐTĐA/NHCT166-ĐHCP ngày 29/01/2015 với Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Hồng Bàng với hạn mức 3.370.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này nhằm mục đích thanh toán các chi phí hợp lý thuộc “Dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, phương tiện vận tải” của Công ty. Lãi suất cho vay thả nổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/VKT ngày 01/10/2010 và số 03/2010/VKT ngày 18/11/2010 cùng các phụ lục sửa đổi kèm theo.
- (ii) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 32.14.257.1813703.TD ngày 22/08/2014 với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng với số tiền 585.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên ngày 21/08/2014. Khoản vay chịu lãi suất theo điều chỉnh từng thời điểm trên từng khế ước nhận nợ (lãi suất kỳ đầu tiên trong năm 2014 là 8,8%/năm) và được trả hàng kỳ bắt đầu từ ngày 25 và kết thúc ngày 24 tháng sau. Mục đích vay là để bổ sung vốn mua 01 xe ô tô tải Hino (Cabin Chassi). Công ty dùng xe ô tô tải thùng kín 3 chỗ, nhãn hiệu HINO biển kiểm soát 15C-097.82 để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	726.400.000	146.400.000
Trong năm thứ hai	726.400.000	146.400.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.796.315.000	243.400.000
	<b>3.249.115.000</b>	<b>536.200.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	726.400.000	146.400.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>2.522.715.000</b>	<b>389.800.000</b>

Công ty đã thế chấp nhà xưởng và máy móc, thiết bị để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn (xem Thuyết minh số 9).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>LNST thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>1.667.361.030</b>	<b>35.476.530.482</b>	<b>132.065.891.512</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	12.937.304.341	12.937.304.341
Phân phối lợi nhuận	-	315.237.551	(3.399.325.715)	(3.084.088.164)
Giảm khác	-	(194.673.939)	-	(194.673.939)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>1.787.924.642</b>	<b>45.014.509.108</b>	<b>141.724.433.750</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lãi / (lỗ) trong kỳ này	-	-	9.330.193.025	9.330.193.025
Phân phối lợi nhuận (i)	-	2.373.363.000	(12.808.459.800)	(10.435.096.800)
Giảm khác	-	(60.962.000)	-	(60.962.000)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2015</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>4.100.325.642</b>	<b>41.536.242.333</b>	<b>140.558.567.975</b>

**Ghi chú:** (i) Phân phối lợi nhuận trong năm bao gồm việc trích lập các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 15/2015/DHP ngày 24/4/2015, chi tiết như sau:

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền (VND)</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển	2.373.363.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	632.896.800
Chia thưởng cho HĐQT và BKS	310.000.000
Chi trả cổ tức năm 2014	9.492.200.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.808.459.800</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại 30/06/2015	
	VND	(%)	VND	(%)
Hoàng Thanh Hải	13.072.540.000	13,8%	13.072.540.000	13,8%
Lê Thị Bích Huệ	3.526.250.000	3,7%	3.526.250.000	3,7%
Nguyễn Việt Dũng	4.000.000.000	4,2%	4.000.000.000	4,2%
Phạm Tiến Dũng	4.183.000.000	4,4%	4.183.000.000	4,4%
Nguyễn Quốc Tuấn	4.500.000.000	4,7%	4.500.000.000	4,7%
Vũ Văn Nam	4.000.000.000	4,2%	4.000.000.000	4,2%
Nguyễn Văn Chuốt	3.381.300.000	3,6%	3.381.300.000	3,6%
Nguyễn Khánh Cường	3.280.000.000	3,5%	3.280.000.000	3,5%
Nguyễn Thị Thanh Hào	3.000.000.000	3,2%	3.000.000.000	3,2%
Phan Quang Huy	3.500.000.000	3,7%	3.500.000.000	3,7%
Các cổ đông khác	48.478.910.000	51,1%	48.478.910.000	51,1%
	<b>94.922.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>100%</b>

**Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.492.200	9.492.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.492.200	9.492.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.492.200	9.492.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**18. DOANH THU**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	277.887.624.474	220.919.942.369
	<b>277.887.624.474</b>	<b>220.919.942.369</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Chiết khấu thương mại;	1.593.730.000	2.989.133.810
	<b>1.593.730.000</b>	<b>2.989.133.810</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	253.539.778.425	198.093.684.039
	<b>253.539.778.425</b>	<b>198.093.684.039</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.454.501.957	1.361.709.694
Chi phí nhân công	3.364.290.799	2.164.704.006
Chi phí khấu hao tài sản cố định	537.463.947	446.701.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	475.738.033	1.318.514.023
Chi phí khác bằng tiền	4.532.367.817	2.002.675.276
	<b>10.364.362.553</b>	<b>7.294.304.937</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.423.757	4.550.165
	<b>18.423.757</b>	<b>4.550.165</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>
	VND	VND
Lãi tiền vay	579.896.711	1.211.127.915
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.246.123	60.493.484
Chiết khấu thanh toán	-	993.176.679
	<b>587.142.834</b>	<b>2.264.798.078</b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	94.500.000
Các khoản khác	2.757.059.805	2.158.671.591
	<b>2.757.059.805</b>	<b>2.253.171.591</b>

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán	-	205.761.599
Các khoản khác	2.616.308.294	1.821.254.003
	<b>2.616.308.294</b>	<b>2.027.015.602</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.961.785.930	10.508.727.659
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Thu nhập chịu thuế	11.961.785.930	10.508.727.659
Thu nhập từ bán hàng	11.961.785.930	10.508.727.659
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Thuế TNDN hiện hành từ bán hàng	2.631.592.905	2.311.920.084
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.631.592.905</b>	<b>2.311.920.084</b>

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	24.560.523.004	20.604.994.082
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.890.529.978	3.488.608.888
Nợ thuần	17.669.993.026	17.116.385.194
Vốn chủ sở hữu	140.558.567.975	141.724.433.750
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>12,6%</b>	<b>12,1%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.890.529.978	3.488.608.888	6.890.529.978	3.488.608.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.045.572.245	31.331.916.034	37.045.572.245	31.331.916.034
Đầu tư tài chính dài hạn	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>115.936.102.223</b>	<b>106.820.524.922</b>	<b>115.936.102.223</b>	<b>106.820.524.922</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	24.560.523.004	20.604.994.082	24.560.523.004	20.604.994.082
Phải trả người bán và phải trả khác	12.063.996.173	7.222.188.804	12.063.996.173	7.222.188.804
Chi phí phải trả	2.286.011.434	91.082.852	2.286.011.434	91.082.852
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.910.530.611</b>	<b>27.918.265.738</b>	<b>38.910.530.611</b>	<b>27.918.265.738</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư.... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.890.529.978	-	6.890.529.978
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.045.572.245	-	37.045.572.245
Đầu tư tài chính dài hạn	-	72.000.000.000	72.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>43.936.102.223</b>	<b>72.000.000.000</b>	<b>115.936.102.223</b>
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>			
Các khoản vay	22.037.808.004	2.522.715.000	24.560.523.004
Phải trả người bán và phải trả khác	12.063.996.173	-	12.063.996.173
Chi phí phải trả	2.286.011.434	-	2.286.011.434
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.387.815.611</b>	<b>2.522.715.000</b>	<b>38.910.530.611</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>7.548.286.612</b>	<b>69.477.285.000</b>	<b>77.025.571.612</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.488.608.888	-	3.488.608.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.331.916.034	-	31.331.916.034
Đầu tư tài chính dài hạn	-	72.000.000.000	72.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.820.524.922</b>	<b>72.000.000.000</b>	<b>106.820.524.922</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Các khoản vay	20.215.194.082	389.800.000	20.604.994.082
Phải trả người bán và phải trả khác	7.222.188.804	-	7.222.188.804
Chi phí phải trả	91.082.852	-	91.082.852
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.528.465.738</b>	<b>389.800.000</b>	<b>27.918.265.738</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>7.292.059.184</b>	<b>71.610.200.000</b>	<b>78.902.259.184</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Điện cơ Phong Lan	Công ty con

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/06/2014</u>
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>		
Bán hàng cho Công ty CP Điện cơ Phong Lan	58.374.165.029	52.378.174.768
	58.374.165.029	52.378.174.768
<b>Mua hàng</b>		
Mua hàng từ Công ty CP Điện cơ Phong Lan	66.870.988.202	58.451.043.074

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty CP Điện cơ Phong Lan	19.525.214.720	16.463.436.212

**28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty.

**29. SỞ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được soát xét.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

  
Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2015

  
Lê Thị Bích Huệ  
Kế toán trưởng

  
Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

